| | |
|---|---|
| VIỆN HÀN LÂM<br>KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN<br>**VIỆN KHOA HỌC VẬT LIỆU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 32/TM-KHVL | *Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026* |

# THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Nhà cung cấp

Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học công nghệ số 235/HĐ-VHL ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Viện Khoa học vật liệu và Chủ nhiệm đề tài "Phát triển công nghệ chế tạo hạt cám nổi tích hợp nano kháng sinh thực vật nhằm làm thức ăn bổ sung cho cá tra". Mã số: UDPTCN.01/26-28.

Hiện tại, Viện Khoa học vật liệu đang xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất năm 2026 cho đề tài mã số UDPTCN.01/26-28.

Viện Khoa học vật liệu kính mời Nhà cung cấp báo giá vật tư hóa chất theo các nội dung sau:

- Danh mục báo giá: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm (Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển,...Bên mua không phải trả thêm bất kỳ một chi phí nào).
- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán, kinh phí mua sắm.
- Thời hạn gửi báo giá: Trước 17 giờ 00 phút ngày 27/3/2026.
- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng Tiếng Việt (Mẫu báo giá theo Phụ lục đính kèm).
- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng (đã ký, đóng dấu).
- Địa điểm nhận báo giá: Phòng Quản lý tổng hợp - Viện Khoa học vật liệu - 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội. Điện thoại: 02437568870.

Trân trọng cảm ơn./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:***<br>- Như trên;<br>- Lưu: VT, H2. | **KT. VIỆN TRƯỞNG**<br>**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**<br>VIỆN KHOA HỌC VẬT LIỆU<br>**Hoàng Anh Sơn** |

# PHỤ LỤC

*(Kèm theo Thư mời báo giá số 32/TM-KHVL ngày 23/3/2026 của Viện Khoa học vật liệu)*

**CÔNG TY…..**
Địa chỉ:….
Điện thoại:…

## BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Khoa học vật liệu - 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội

Công ty/Cửa hàng chúng tôi kính gửi Quý Viện báo giá sau:

| STT | Tên vật tư, hóa chất | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (QG, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị | Số lượng | Mã HS | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bột cám ngô | | | | | | Độ đạm max 18%, độ ẩm max 12%, xơ max 13% | Gói 1kg | 5 | | | |
| 2 | Bột đậu tương | | | | | | Nguyên chất 100% | Gói 1kg | 5 | | | |
| 3 | Vitamin - khoáng premix | | | | | | Độ ẩm max 5%, cát sạn max 2% | Lọ 1kg | 1 | | | |
| 4 | Dầu gan mực | | | | | | Dạng lỏng, 100% | Chai 1Lít | 1 | | | |
| 5 | Diệp hạ châu | | | | | | Dạng khô, nguyên chất | Gói 1kg | 5 | | | |
| 6 | Lá chùm ngây | | | | | | Dạng khô, nguyên chất | Gói 1kg | 5 | | | |

| STT | Tên vật tư, hóa chất | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (QG, vùng lãnh thổ) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị | Số lượng | Mã HS | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | Alginic acid sodium salt from brown algae | | | | | | Độ nhớt trung bình | Lọ 500g | 1 | | | |
| 8 | Sodium alginate | | | | | | Độ nhớt 200±20 mpa.s | Lọ 500g | 2 | | | |
| 9 | Carboxymethyl cellulose sodium salt | | | | | | Độ nhớt trung bình | Lọ 500g | 1 | | | |
| 10 | Carboxymethyl cellulose sodium | | | | | | Độ nhớt 1000-1400 mpa.s | Lọ 50g | 5 | | | |
| 11 | Ethanol | | | | | | Độ tinh khiết ≥ 99,5% | Chai 1Lít | 5 | | | |
| 12 | Cồn công nghiệp | | | | | | Nồng độ 96% | Can 10 Lít | 20 | | | |
| | **Tổng cộng:** | | | | | | | | | | | |

**Ghi chú:** *Báo giá cần ghi chi tiết các nội dung về Hiệu lực của báo giá; Chất lượng hàng hóa; Thời gian, địa điểm giao hàng; Bảo hành hàng hóa và các điều kiện khác (nếu có).*

*……, ngày tháng năm 2026*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**

*(Ký, đóng dấu)*